

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ - ST

Ngày 03/4/2026

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Lý Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hiện - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Quỳnh Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đàm Ngọc B, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Thôn B, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đàm Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị T xây dựng gia đình từ năm 1995, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đến năm 1996

ông và bà T có con chung là Đàm Thị Thu H, năm 1998 ông sang Liên bang N làm ăn, năm 2001 ông đưa bà T sang cùng, do vậy đến năm 2016 ông mới làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị T tại T1 tại thành phố E, Liên bang N ngày 26/01/2016, ông và bà T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, năm 2017 ông và bà T về Việt Nam, năm 2018 bà T sang Đài Loan lao động đến năm 2023 bà T về dự đám cưới con gái được 10 ngày sau đó lại đi sang Đài Loan cho đến nay, bà T hiện nay vẫn liên lạc với em trai là Hoàng Văn K, sinh năm 1979 trú tại thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên nhưng không còn liên lạc với ông nữa do vậy ông không biết địa chỉ cụ thể của bà T tại Đài Loan. Từ khi bà T sang Đài Loan năm 2018 đến nay tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, bà T không gửi tiền về để phụ giúp ông nuôi con và trang trải cuộc sống. Nay ông thấy hôn nhân không thể kéo dài hơn được nữa, do vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Đàm Thị Thu H, sinh ngày 23/6/1996 hiện nay phát triển bình thường, đã trên 18 tuổi và đã xây dựng gia đình riêng. Do vậy ông không yêu cầu giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về cho vay nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về phía bị đơn bà Hoàng Thị T, do ông Đàm Ngọc B không cung cấp được địa chỉ của bà T tại Đài Loan, Tòa án đã xác minh tại địa phương, thông qua thân nhân của bà T, ngày 19/12/2025 và ngày 23/01/2026 anh Hoàng Văn K là em trai ruột của bà T xác định bà T là chị gái ruột của anh hiện nay đang làm việc tại Đài Loan, bà T thường xuyên liên lạc với anh qua điện thoại nhưng không cho anh biết địa chỉ của bà T tại Đài Loan, anh K đã thông tin cho bà T biết việc ông B xin ly hôn, anh đã chụp ảnh các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T nhưng bà T không có ý kiến gì.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa không lý do, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Ngọc B, cho ông B được ly hôn với bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung ông B không yêu cầu, do vậy không

xem xét giải quyết, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp xin ly hôn, bị đơn bà Hoàng Thị T có nơi thường trú tại thôn B, xã B, tỉnh Thái Nguyên, hiện nay bà Hoàng Thị T đang làm việc tại Đài Loan. Theo công văn số 804/PQLNXC(Đ1) ngày 05/11/2025 của Phòng Q Công an tỉnh T xác định bà Hoàng Thị T xuất cảnh gần nhất ngày 07/3/2023 qua cửa khẩu N1 bằng hộ chiếu số C6829084 (hộ chiếu cấp ngày 01/3/2019), hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

Do bị đơn bà Hoàng Thị T ở nước ngoài, không đến Tòa án để tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh Hoàng Văn K em trai của bà T xác nhận bà T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng gia đình không cung cấp địa chỉ cụ thể của bà T tại Đài Loan cho Tòa án, ông Đàm Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Hoàng Thị T và ông Đàm Ngọc B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Ông Đàm Ngọc B và bà Hoàng Thị T đăng ký kết hôn tại T1 tại thành phố E, Liên bang N ngày 26/01/2016 nên được coi là hôn nhân hợp pháp, ông B và bà T chung sống hòa thuận hạnh phúc. Từ khi bà T sang Đài Loan năm 2018 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, ông B và bà T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đàm Ngọc B là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu của ông Đàm Ngọc B, cho ông B được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do ông Đàm Ngọc B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Đàm Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên về việc giải quyết cho ông B được ly hôn với bà T là phù hợp, cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 477, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Đàm Ngọc B.
2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đàm Ngọc B được ly hôn với bà Hoàng Thị T.
3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết
4. Về án phí: Ông Đàm Ngọc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001726 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại thành phố Ekaterinburg, Liên bang Nga. (01b)
- UBND xã Ba Bể. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thanh Tuấn